KSi VIET NAM
A member firm of KS INTERNATIONAL

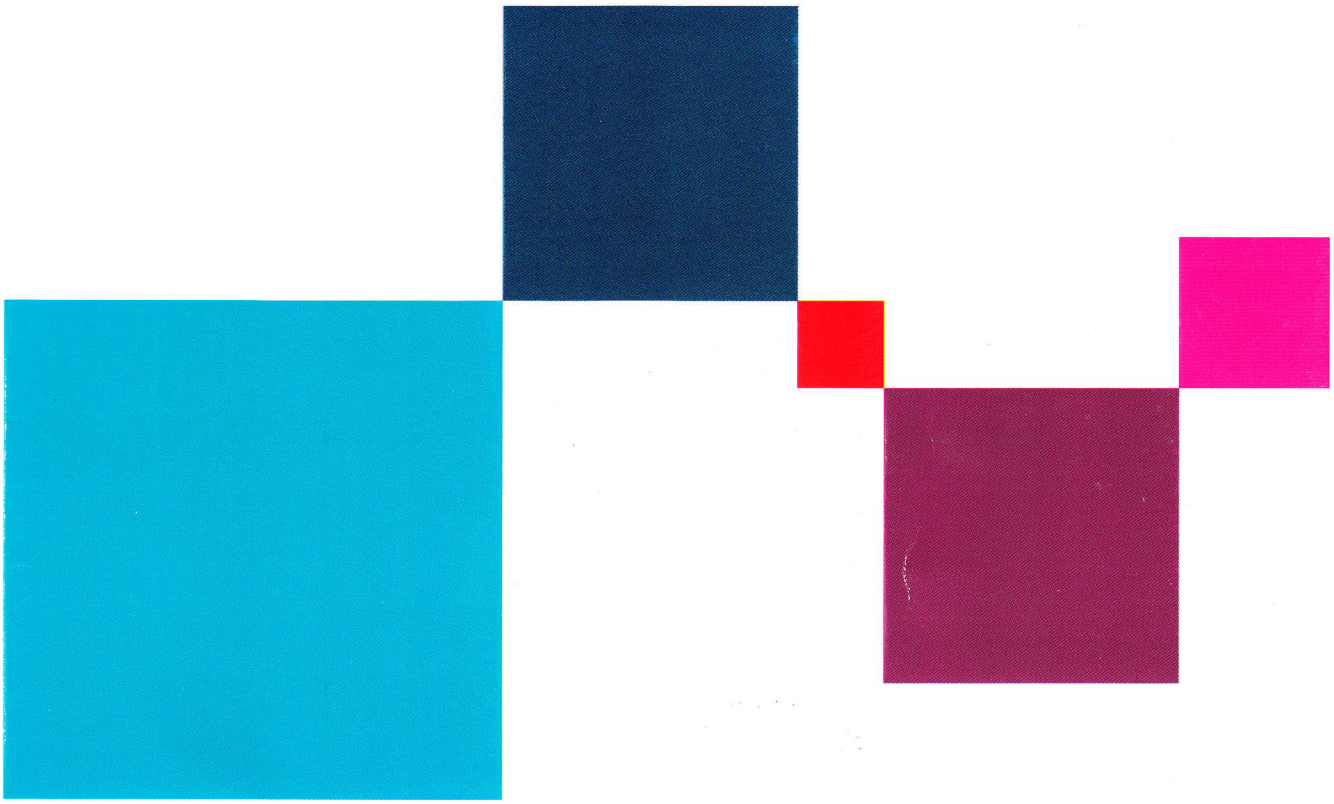
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KSi VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ KINGSTON SMITH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

cùng với Báo cáo kiểm toán viên



KSi VIET NAM AUDITING COMPANY LTD

A MEMBER FIRM OF KS INTERNATIONAL

F.2 - F.3 - F.4 Building 96 Dinh Tien Hoang Str, Ward 01, Binh Thanh Dist, HCM City
Tel: (84.8) 3822 7158 - 3841 8790 - Fax: (84.8) 3551 2008
Email: audit@ksi.com.vn - Website: www.ksi.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 06
Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	09 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Khái quát về Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN (tên nước ngoài: CHOLON TOURIST JOINT STOCK COMPANY) là công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 0301305220 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19/05/2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 20 lần được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi và Giấy chứng nhận đầu tư số 0301305220 thay đổi lần thứ 20 ngày 01/03/2014.

Các chỉ tiêu về vốn đầu tư của chủ sở hữu	**VND**
• Vốn góp điều lệ	648.000.000.000
• Vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2014	324.000.000.000

Trụ sở chính của Công ty

Địa chỉ: Số 787 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có các chi nhánh (hạch toán phụ thuộc):

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn "chuyển đổi đơn vị kinh tế trực thuộc DNNN, Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn có GCN ĐKKD số 0116000176 do phòng ĐKKD- Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16/09/1994". (TB đóng mã số thuế số 10511 CT/HN ngày 24/06/2009).

  Địa chỉ chi nhánh: Số 15D, Phố Sơn Tây, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn- Khách sạn Đông Kinh

  Địa chỉ chi nhánh: 102/4 và 106- 108 Trần Tuấn Khải, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

  Mã số chi nhánh: 0301305220-005

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý du lịch

  Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

- Hoạt động trung gian tiền tệ khác

  Chi tiết: thu đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

  Chi tiết: dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa.

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

  Chi tiết: các dịch vụ nghỉ trọ ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở).

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết: dịch vụ massage (không hoạt động tại trụ sở)

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

  Chi tiết: Kinh doanh vũ trường (tại 106- 108 Trần Tuấn Khải, Phường 5, Quận 5). Kinh doanh karaoke (tại 106- 108 Trần Tuấn Khải; 473- 475 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5 và 341-343 Nguyễn Chí Thanh, Phường 15, Quận 5).

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

  Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống tại nhà hàng, kinh doanh rượu trong nhà hàng.

- Vận tải hành khách đường bộ khác

  Chi tiết: Vận tải hành khách, khách du lịch. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng.

- Cho thuê xe có cơ động

  Chi tiết: cho thuê xe du lịch theo hợp đồng.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

  Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, nhà phục vụ các mục đích kinh doanh và nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt: hội trường, phòng cưới, văn phòng làm việc (chỉ thực hiện đối với nhà không thuộc Nhà nước; riêng đối với nhà được Nhà nước chuyển giao chức năng, chỉ thực hiện đối với những dự án, công trình đầu tư được các cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

  Chi tiết: môi giới bất động sản.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

  Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng.

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

  Chi tiết: hoạt động trang trí nội thất.

- Bán mô tô, xe máy

  Chi tiết: Mua bán mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ.

- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

  Chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa ô tô.

- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy

  Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy

- Bán buôn thực phẩm

  Chi tiết: mua bán thực phẩm

- Bán buôn đồ uống

  Chi tiết: mua bán đồ uống rượu bia.

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

  Chi tiết: mua bán đồ dùng giải trí gia đình và đồ điện gia dụng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Sản xuất các loại bánh từ bột

  Chi tiết: sản xuất các loại bánh từ bột như bánh trung thu.

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

  Chi tiết: sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất, chế biến suất ăn công nghiệp..

- Giáo dục nghề nghiệp

  Chi tiết: Dạy nghề.

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

  Chi tiết: mua bán ô tô, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ.

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

  Chi tiết: tổ chức sự kiện và hội nghị.

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

  Chi tiết: đại lý bảo hiểm

3. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và kế toán trưởng của Công ty trong năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Trọng Trí	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Hiến	Thành viên
Ông Trần Huy Thăng	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim Dung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lệ Uyển	Thành viên
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nguyễn Quốc Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bắc	Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ban kiểm soát

Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban
Ông Thái Phước	Thành viên
Bà Nguyễn Mỹ Tánh	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Kim Liên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm từ trang 11 đến trang 31.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng giám đốc công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi **Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam**.
Trụ sở chính: Tầng 2-3-4, số 96 Đinh Tiên Hoàng, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 38 227 158, Fax: (84-8) 35 512 008, Website: www.ksi.com.vn

7. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và và Thuyết minh báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực, Chế độ và chính sách kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận và nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp toàn bộ sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan cho các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. Phê chuẩn của Ban Tổng Giám đốc

Chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, thuyết minh báo cáo tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN

NGUYỄN QUỐC HIẾN

Tổng Giám đốc

Số: 14050/2014/BCKT-KSI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2015, từ trang 9 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Gám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301305220 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 01 tháng 03 năm 2014 vốn điều lệ của công ty là 648.000.000.000 đồng tương ứng với 64.800.000 cổ phần. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2014 số vốn góp theo sổ sách của Công ty là 324.000.000.000 đồng tương ứng với 32.400.000 cổ phần.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KSI VIỆT NAM

S.Đ.K.K.D: 0302714628 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN KSI VIỆT NAM
Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Trịnh Thị Bích Liên	**Nguyễn Xuân Thịnh**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số GCNĐKHNKT: 1342- 2013- 046-1	*Số GCNĐKHNKT: 0472-2013-046-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MS	TM	Cuối kỳ	Đầu kỳ
A. Tài sản ngắn hạn	**100**		**54.716.164.041**	**50.527.532.373**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**18.936.498.216**	**16.018.051.369**
1. Tiền	111		7.436.498.216	5.518.051.369
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	10.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III. Các khoản phải thu	**130**		**30.754.901.063**	**28.057.795.998**
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	11.351.769.336	8.913.580.725
2. Trả trước người bán	132	V.03	8.968.121.319	8.907.182.985
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	10.435.010.408	10.237.032.288
IV. Hàng tồn kho	**140**		**410.793.792**	**523.580.161**
1. Hàng tồn kho	141	V.05	410.793.792	523.580.161
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.613.970.970**	**5.928.104.845**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	229.957.013	627.181.513
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	4.384.013.957	5.300.923.332
B. Tài sản dài hạn	**200**		**361.337.594.900**	**357.843.470.149**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**323.194.132.388**	**315.580.101.784**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	67.066.578.988	71.011.435.105
- Nguyên giá	*222*		*100.173.639.826*	*100.173.639.826*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(33.107.060.838)*	*(29.162.204.721)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	71.964.773	113.967.317
- Nguyên giá	*228*		*313.970.328*	*313.970.328*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(242.005.555)*	*(200.003.011)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	256.055.588.627	244.454.699.362
III. Bất động sản đầu tư	**240**	V.11	**15.017.298.696**	**16.029.653.880**
- Nguyên giá	241		28.135.578.002	28.135.578.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(13.118.279.306)	(12.105.924.122)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.12	**17.235.675.575**	**18.594.972.447**
3. Đầu tư dài hạn khác	258		20.393.053.835	20.393.053.835
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.157.378.260)	(1.798.081.388)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**	V.13	**5.890.488.241**	**7.638.742.038**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.835.077.841	7.543.331.638
3. Tài sản dài hạn khác	268		55.410.400	95.410.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**416.053.758.941**	**408.371.002.522**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN

Địa chỉ: 787 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MS	TM	Cuối kỳ	Đầu kỳ
A. Nợ phải trả	**300**		**70.618.372.174**	**61.703.912.527**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**42.903.454.354**	**12.794.036.527**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	14.601.333.332	-
2. Phải trả cho người bán	312	V.14	651.728.599	882.118.466
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	729.581.914	1.392.696.284
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.152.304.189	3.408.328.653
5. Phải trả người lao động	315	V.17	2.713.816.330	2.468.039.347
6. Chi phí phải trả	316	V.18	280.339.737	142.964.757
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	19.085.645.696	2.503.737.492
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		2.688.704.557	1.996.151.528
II. Nợ dài hạn	**330**		**27.714.917.820**	**48.909.876.000**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	5.756.736.000	5.249.436.000
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	20.436.000.003	42.338.000.001
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.522.181.817	1.322.439.999
B. Vốn chủ sở hữu	**400**		**345.435.386.767**	**346.667.089.995**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.22	**345.435.386.767**	**346.667.089.995**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.000.000.000	324.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(88.000.000)	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		160.388.764	160.388.764
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.362.998.003	22.506.701.231
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**416.053.758.941**	**408.371.002.522**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	TM	Cuối kỳ	Đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại - USD		12.395,95	31.660,11
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Hồng	Phạm Thị Kim Liên	Nguyễn Quốc Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN

Địa chỉ: 787 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 02-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	**01**	VI.01	**161.237.031.430**	**209.127.773.763**
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.02	630.973.843	816.942.430
3. Doanh thu thuần	**10**	VI.03	**160.606.057.587**	**208.310.831.333**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.04	**128.172.651.246**	**174.276.326.321**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**32.433.406.341**	**34.034.505.012**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.024.815.284	1.612.428.570
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.06	1.359.296.872	488.558.035
Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		-	122.430.000
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	-	331.058.980
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	8.220.830.967	7.041.359.090
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**23.878.093.786**	**27.785.957.477**
10. Thu nhập khác	31	VI.09	3.455.950.180	3.275.158.275
11. Chi phí khác	32		2.224.663	41.623.043
12. Lợi nhuận khác	40		3.453.725.517	3.233.535.232
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**27.331.819.303**	**31.019.492.709**
14. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.10	5.968.821.300	7.652.351.667
15. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**21.362.998.003**	**23.367.141.042**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	659	687

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Hồng	Phạm Thị Kim Liên	Nguyễn Quốc Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 03-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

	MS	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		172.809.937.076	247.859.994.582
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(71.845.145.960)	(138.082.527.074)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.698.606.017)	(23.196.449.022)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(122.430.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.378.485.016)	(8.016.244.107)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		55.371.782.646	111.738.486.256
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(113.352.733.329)	(178.820.816.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**13.906.749.400**	**11.360.014.181**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.624.451.171)	(6.110.763.410)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	134.524.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	34.169.628.860
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.019.599.216	2.698.900.337
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(3.604.851.955)**	**30.892.290.150**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 03-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	638.500.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(88.000.000)	(436.500.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	67.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.300.666.666)	(98.170.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(7.388.666.666)**	**(30.468.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**2.913.230.779**	**11.784.304.331**
Tiền và tương đương đầu kỳ	**60**		**16.018.051.369**	**4.230.738.544**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.216.068	3.008.494
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**34**	**18.936.498.216**	**16.018.051.369**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Hồng	Phạm Thị Kim Liên	Nguyễn Quốc Hiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014 hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế, bán buôn thực phẩm (bánh trung thu), dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn, massage, karaoke.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Niên độ kế toán:**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. **Đơn vị tiền tệ trong hạch toán:**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam. Các đơn vị tiền tệ khác với Đồng tiền Việt Nam quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Phương pháp kế toán tiền mặt và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào được phát sinh do việc thanh lý đều tính vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà xưởng vật kiến trúc	5- 50 năm
Máy móc thiết bị	3- 20 năm
Phương tiện vận tải	6- 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3- 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5-8 năm.

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Khấu hao bất động sản đầu tư: Phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính Việt Nam.

Thời gian hữu dụng của các loại bất động sản đầu tư ước tính chủ yếu như sau:

Nhà	25-40 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc và giá trị được lập dự phòng của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được phản ánh theo giá gốc, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc ban đầu thì khoản đầu tư này được lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư nhỏ hơn giá trị gốc thì Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá đầu tư.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước bao gồm Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất,...có thời hạn sử dụng lớn hơn 01 (một) năm không được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình sẽ được phân bổ vào báo cáo lãi lỗ theo thời gian sử dụng ước tính theo phương pháp đường thẳng.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ giao dịch bằng ngoại tệ của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá tại ngày 31/12/2014: 21.246 USD/VND

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01- Tiền

	Cuối kỳ		Đầu kỳ
Tiền mặt	852.267.000		787.909.500
Tiền gởi ngân hàng	6.584.231.216	(*)	4.730.141.869
Khoản tương đương tiền	11.500.000.000		10.500.000.000
Cộng	**18.936.498.216**		**16.018.051.369**

(*) Chi tiết tiền gửi:	Cuối kỳ	Nguyên tệ - USD
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Trần Hưng Đạo (VND)	1.122.368.462	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank - CN Hoa Việt (VND)	4.284.118.558	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bến Thành - PGD Nguyễn Trãi (VND)	836.260.730	-
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	25.895.823	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Trần Hưng Đạo (USD)	224.469.126	10.564,10
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank - CN Hoa Việt- USD	33.460.192	1.572,55
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bến Thành - PGD Nguyễn Trãi (USD)	5.509.088	259,30
Ngân hàng TMCP Phương Nam	52.149.237	-
Cộng	**6.584.231.216**	**12.395,95**

(**) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank (VND)	11.500.000.000	10.500.000.000
Cộng	**11.500.000.000**	**10.500.000.000**

02- Phải thu khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Công ty	644.144.900	660.000.000
Trung tâm Lữ Hành	1.770.834.471	974.423.308
Khách sạn Phước Lộc Thọ	2.994.141.011	2.075.510.476
Khách sạn Đông Kinh	5.942.648.954	5.203.646.941
Cộng	**11.351.769.336**	**8.913.580.725**

03- Trả trước người bán

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Trung Tâm Lữ Hành	321.811.975	366.762.526
Văn phòng Công ty	8.646.309.344	8.540.420.459
Cộng	**8.968.121.319**	**8.907.182.985**

04- Các khoản phải thu khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng công ty	10.424.322.850	10.219.455.835
Trung tâm lữ hành	2.393.678	14.276.453
Khách sạnPhước Lộc Thọ	150.000	3.300.000
Khách sạn Đông Kinh	40	-
BHXH	8.143.840	-
Cộng	**10.435.010.408**	**10.237.032.288**

05- Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	17.765.879	19.749.475
Công cụ, dụng cụ trong kho	197.885.822	345.361.837
Hàng hóa tồn kho	195.142.091	158.468.849
Cộng	**410.793.792**	**523.580.161**

06- Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Công ty	51.712.672	244.717.094
Khách sạn Phước Lộc Thọ	11.612.046	37.741.622
Khách sạn Đông Kinh	39.287.391	65.862.938
Trung Tâm lữ hành	127.344.904	278.859.859
Cộng	**229.957.013**	**627.181.513**

07- Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tạm ứng	4.384.013.957	5.300.923.332
Cộng	**4.384.013.957**	**5.300.923.332**

08- Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	85.349.748.775	8.927.087.969	3.505.241.331	1.235.700.882	1.155.860.869	100.173.639.826
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	85.349.748.775	8.927.087.969	3.505.241.331	1.235.700.882	1.155.860.869	**100.173.639.826**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	21.424.278.832	4.866.928.318	1.744.205.875	398.413.413	728.378.283	29.162.204.721
- Khấu hao trong năm	2.261.131.956	1.020.164.377	359.490.671	95.565.204	208.503.909	3.944.856.117
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	23.685.410.788	5.887.092.695	2.103.696.546	493.978.617	936.882.192	**33.107.060.838**
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu năm	63.925.469.943	4.060.159.651	1.761.035.456	837.287.469	427.482.586	71.011.435.105
- Tại ngày cuối năm	61.664.337.987	3.039.995.274	1.401.544.785	741.722.265	218.978.677	**67.066.578.988**

09- Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	**313.970.328**	**313.970.328**
- Mua trong năm	-	-
Số dư cuối năm	**313.970.328**	**313.970.328**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	221.004.283	221.004.283
Khấu hao trong năm	21.001.272	21.001.272
Số dư cuối năm	242.005.555	242.005.555
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
- Tại ngày đầu năm	**92.966.045**	**92.966.045**
- Tại ngày cuối năm	**71.964.773**	**71.964.773**

10- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm		Đầu năm
Công trình 65 An Dương vương-63 Nguyễn Duy Dương	173.149.180.898	(*)	168.655.230.698
Công trình chung cư Bình Trị Đông	72.320.563.542		67.929.983.146
Công trình 131 Châu Văn Liêm	296.174.091		296.174.091
Công trình 123- 129 Trần Hưng Đạo	66.174.093		66.174.093
Công trình 473- 475 An Dương Vương	99.954.544		99.954.544
Chi phí quản lý dự án	8.273.805.030		7.407.182.790
Sửa chữa lớn TSCĐ-VPCT	1.849.736.429		-
Cộng	**256.055.588.627**		**244.454.699.362**

(*) Trong đó Chi phí lãi vay vốn hóa là: 19.794.815.884 VND

11- Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	**28.135.578.002**
Tăng trong năm	
Giảm trong năm	
Số dư cuối năm	**28.135.578.002**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	**12.105.924.122**
Khấu hao trong năm	1.012.355.184
Giảm trong năm	
Số dư cuối năm	**13.118.279.306**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	**16.029.653.880**
Số dư cuối năm	**15.017.298.696**

Chi tiết bất động sản đầu tư	Nguyên giá tại ngày 31/12/2014	Giá trị hao mòn tại ngày 31/12/2014
Nhà 31-33 Phạm Bân	7.978.227.402	4.454.564.562
Nhà 27 Phạm Bân	4.834.000.000	4.097.390.464
Nhà 473-475 An Dương Vương - Quận 5	1.219.152.000	413.195.640
Nhà 87-89 N.D.Dương -Quận 5	390.219.000	153.712.469
Nhà 127-129 Trần Hưng Đạo - Quận 5	602.464.000	234.170.876
Nhà 131 Châu Văn Liêm - Quận 5	1.185.040.000	527.342.836
Nhà 123 - 125 Trần Hưng Đạo - Quận 5	615.936.000	255.536.005
Nhà 123 Châu Văn Liêm	303.550.000	76.034.156
Nhà 896 Nguyễn Trãi - Quận 5	1.004.666.000	258.411.844
Nhà 341-343 Nguyễn Chí Thanh- Quận 5	1.179.968.000	342.088.804
Nhà 323 Hồng Bàng - Quận 5	521.536.000	173.849.236
Nhà 100 TS Hùng Vương - 134 NTP	5.536.403.600	3.005.476.168
Nhà số 1 An Dương Vương	533.676.000	176.113.080
Nhà 195 Nguyễn Tri Phương, Quận 5	419.926.000	173.081.084
Nhà 65 An Dương Vương - Quận 5	876.304.000	347.133.220
Nhà 63 Nguyễn Duy Dương - Quận 5	934.510.000	329.198.252
Cộng	**28.135.578.002**	**15.017.298.696**

12- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số CP	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác		**20.393.053.835**	**20.393.053.835**
Công ty CP DL Sài Gòn Bình Châu	608.114	6.108.275.027	6.108.275.027
Công ty CP Sài Gòn Đà Lạt	100.000	10.000.266.560	10.000.266.560
Công ty CP DL Bà Rịa Vũng Tàu	436.610	3.552.608.248	3.552.608.248
Công ty CP Du Lịch Cần Thơ	60.000	731.904.000	731.904.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		**(3.157.378.260)**	**(1.798.081.388)**
Công ty CP Sài Gòn Đà Lạt		(2.687.497.134)	(1.798.081.388)
Công ty CP DL Bà Rịa Vũng Tàu		(337.977.126)	-
Công ty CP Du Lịch Cần Thơ		(131.904.000)	-
Cộng		**17.235.675.575**	**18.594.972.447**

13- Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm		Đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	5.835.077.841	(a)	7.543.331.638
Ký quỹ, ký cược dài hạn	55.410.400	(b)	95.410.400
Cộng	**5.890.488.241**		**7.638.742.038**

(a) Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	476.771.885	917.712.719
Nhà hàng ái huê 1	369.341.184	379.877.793
Trung tâm Lữ Hành	85.242.867	235.123.711
Khách sạn Phước Lộc Thọ	962.087.568	1.389.750.213
Khách sạn Đông Kinh	3.941.634.337	4.620.867.202
Cộng	**5.835.077.841**	**7.543.331.638**

(b) Ký quỹ, ký cược dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	55.410.400	95.410.400
Cộng	**55.410.400**	**95.410.400**

14- Phải trả cho người bán

	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	40.766.043	438.539.616
Trung tâm lữ hành	610.962.556	443.578.850
Cộng	**651.728.599**	**882.118.466**

15- Người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Nhà hàng ái huê 1	-	8.700.000
Trung tâm Lữ Hành	709.774.131	1.376.578.313
Khách sạn Phước Lộc Thọ	1.615.371	1.215.371
Khách sạn Đông Kinh	18.192.412	6.202.600
Cộng	**729.581.914**	**1.392.696.284**

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng	719.910.972	674.352.101
Thuế tiêu thụ đặc biệt	41.949.653	65.495.572
Thuế thu nhập doanh nghiệp	988.605.962	2.398.269.678
Thuế thu nhập cá nhân	376.879.716	270.211.302
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	24.957.886	-
Cộng	**2.152.304.189**	**3.408.328.653**

17- Phải trả người lao động

	Cuối năm	Đầu năm
Lương phải trả người lao động	2.713.816.330	2.468.039.347
Cộng	**2.713.816.330**	**2.468.039.347**

18- Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí	280.339.737	142.964.757
Cộng	**280.339.737**	**142.964.757**

19- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	17.982.720		-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.485.000.000	(a)	1.485.000.000
Phải trả khác	17.582.662.976	(b)	1.018.737.492
Cộng	**19.085.645.696**		**2.503.737.492**

(a) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Văn phòng Công ty	1.485.000.000	1.485.000.000

(b) Chi tiết phải trả khác

Văn phòng Công ty	17.370.838.053	759.898.844
Trung tâm Lữ Hành	211.541.423	258.555.148
Khách sạn Phước Lộc Thọ	283.500	283.500
Cộng	**19.067.662.976**	**2.503.737.492**
	-	-

20- Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.756.736.000	5.249.436.000
Cộng	**5.756.736.000**	**5.249.436.000**

21- Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay dài hạn ngân hàng TMCP Á Châu		
Hợp đồng vay 52838609		
-Khế ước vay 52847869 ACB	2.675.000.000	6.815.000.000
-Khế ước vay 134208959 ACB	6.800.000.003	13.600.000.001
-Khế ước vay 150221159 ACB	6.461.000.000	12.923.000.000
-Khế ước vay 151889399 ACB	4.500.000.000	9.000.000.000
Cộng	**20.436.000.003**	**42.338.000.001**

Nợ đến hạn trả năm 2015

Hợp đồng vay 52838609	**Nợ đến hạn trả**
-Khế ước vay 52847869 ACB	2.760.000.000
-Khế ước vay 134208959 ACB	4.533.333.332
-Khế ước vay 150221159 ACB	4.308.000.000
-Khế ước vay 151889399 ACB	3.000.000.000
Cộng	**14.601.333.332**

(*) **Chi tiết hợp đồng vay**

Hợp đồng vay 52838609 ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn và Ngân hàng TMCP Á Châu , hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 52838609/SĐBS-01 ngày 10/04/2012; hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 2 ngày 52838609/SĐBS-02 ngày 08/02/2013; hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 3 ngày 52838609/SĐBS-03 ngày 21/02/2013

Số tiền vay: 126.900.000.000 VND

Mục đích vay: Xây dựng tòa nhà cao ốc văn phòng tại 65 An Dương Vương, phường 8, quận 5, TP.HCM

Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu

Lãi suất trong hạn: quy định theo từng khế ước cụ thể

Tài sản đảm bảo:

- Tài sản hình thành từ vốn vay: thửa đất số 3,11,201,202 tờ bản đồ số 9, phường 8, quận 5, tọa lạc tại 63 đường Nguyễn Duy Dương- 65 An Dương Vương, phường 8, quận 5, TP.HCM thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn
- Bất động sản số 27 (Trệt) Phạm Bân, phường 13, quận 5, TP.HCM thuộc quyền sử dụng (đối với đất) của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn
- Bất động sản số 102/4 (Trệt) Trần Tuấn Khải, phường 5, quận 5, TP.HCM thuộc quyền sử dụng (đối với đất) của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Cho niên độ kết thúc 31/12/2013					
Số dư tại ngày 01/01/2013	**324.000.000.000**	**160.388.764**	**-**	**27.071.920.090**	**351.232.308.854**
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	23.367.141.042	**23.367.141.042**
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.650.768.000)	**(2.650.768.000)**
- Trích thù lao HĐQT, BKS		-	-	(312.000.000)	**(312.000.000)**
- Chia cổ tức 2012	-	-	-	(23.854.788.000)	**(23.854.788.000)**
- Chia lãi hợp tác kinh doanh	-	-	-	(1.114.803.901)	**(1.114.803.901)**
Số dư tại ngày 31/12/2013	**324.000.000.000**	**160.388.764**	**-**	**22.506.701.231**	**346.667.089.995**
Cho niên độ kết thúc 31/12/2014					
Số dư tại ngày 01/01/2014	**324.000.000.000**	**160.388.764**	**-**	**22.506.701.231**	**346.667.089.995**
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	21.362.998.003	**21.362.998.003**
- giảm khác	-	-	(88.000.000)		**(88.000.000)**
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.099.614.171)	**(2.099.614.171)**
- Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(874.000.000)	**(874.000.000)**
- Chia cổ tức 2013	-	-	-	(19.440.000.000)	**(19.440.000.000)**
- Nộp thuế bổ sung	-	-	-	(93.087.060)	**(93.087.060)**
Số dư tại ngày 31/12/2014	**324.000.000.000**	**160.388.764**	**(88.000.000)**	**21.362.998.003**	**345.435.386.767**

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	**Tỷ lệ**	**Cuối năm**	**Đầu năm**
Công ty TNHH Quế Trân	84,21%	272.833.000.000	272.833.000.000
Tổng công ty Du Lịch Sài Gòn TNHH MTV	13,33%	43.200.000.000	43.200.000.000
Các cổ đông khác	2,46%	7.967.000.000	7.967.000.000
Cộng	**100,00%**	**324.000.000.000**	**324.000.000.000**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301305220 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 01 tháng 03 năm 2014 vốn điều lệ của công ty là 648.000.000.000 đồng tương ứng với 64.800.000 cổ phần. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2014 số vốn góp theo sổ sách của Công ty là 324.000.000.000 đồng tương ứng với 32.400.000 cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa	-	63.891.542.733
Doanh thu dịch vụ	161.237.031.430	145.236.231.030
Cộng	**161.237.031.430**	**209.127.773.763**

02- Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	25.323.200	14.500.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	605.650.643	802.442.430
Cộng	**630.973.843**	**816.942.430**

03- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa	-	63.877.042.733
Doanh thu dịch vụ	160.606.057.587	144.433.788.600
Cộng	**160.606.057.587**	**208.310.831.333**

04- Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	-	59.176.681.746
Giá vốn dịch vụ	128.172.651.246	115.099.644.575
Cộng	**128.172.651.246**	**174.276.326.321**

05- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	818.785.821	545.071.091
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.813.395	410.086.046
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.216.068	3.367.733
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	653.903.700
Cộng	**1.024.815.284**	**1.612.428.570**

06- Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	-	122.430.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	359.239
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	1.359.296.872	365.768.796
Cộng	**1.359.296.872**	**488.558.035**

07- Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	-	129.788.268
Chi phí khấu hao	-	22.635.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	105.621.310
Chi phí bằng tiền khác	-	73.014.228
Cộng	**-**	**331.058.980**

08- Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.939.472.823	4.608.824.773
Chi phí khấu hao TSCĐ	241.657.839	285.516.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.950.137	169.857.460
Chi phí bằng tiền khác	2.831.750.168	1.977.160.218
Cộng	**8.220.830.967**	**7.041.359.090**

09- Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản	36.394.092	124.185.363
Thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh	2.993.840.748	2.260.821.361
Thu lãi trả chậm	133.540.452	634.006.259
Thu khác	292.174.888	256.145.292
Cộng	**3.455.950.180**	**3.275.158.275**

10- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.331.819.303	31.019.492.709
- Các khoản điều chỉnh		
+ thu nhập không tính thuế	(200.813.395)	(410.086.046)
+ Chi phí không được trừ		
- Tổng thu nhập chịu thuế	27.131.005.908	30.609.406.663
- Thuế suất	22%	25%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**5.968.821.300**	**7.652.351.667**

11- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lãi/lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.362.998.003	23.367.141.042
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(1.114.803.901)
+ Các khoản điều chỉnh tăng		-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.114.803.901)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.362.998.003	22.252.337.141
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.394.304	32.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**659**	**687**

VI. Thông tin khác

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan:

a. Các bên liên quan gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quế Trân	Thành viên góp vốn
Tổng công ty Du Lịch Sài Gòn- TNHH MTV	Thành viên góp vốn

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền VND
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao 2014	1.104.000.000

Bên liên quan	Nội dung	Số dư 31/12/2014 (VND)
Công ty TNHH Quế Trân	Phải thu khác	8.000.000.000

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt nam.

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

4. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

2. Báo cáo bộ phận

Chỉ tiêu	Ăn uống	Buồng ngủ	Vận chuyển	Lữ hành	Bánh kem, nước đá	Khác	Chung	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần								
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	51.325.861.988	9.369.300.811	108.104.338	58.630.475.600	10.508.770.991	30.663.543.859	-	**160.606.057.587**
2. Chi phí								
- Giá vốn	38.561.915.508	5.084.349.927	100.302.034	57.700.375.878	7.152.187.362	4.676.112.044	14.897.408.493	**128.172.651.246**
-Chi phí chung								
3. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	12.763.946.480	4.284.950.884	7.802.304	930.099.722	3.356.583.629	25.987.431.815	(14.897.408.493)	**32.433.406.341**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Hồng	Phạm Thị Kim Liên	Nguyễn Quốc Hiến